

Biểu số: 011.Q/BCC-NLTS

Ban hành theo

Ngày nhận báo cáo:

Quý I: ngày 10/5

Quý III: ngày 10/11

BÁO CÁO CHÍNH THỨC SỐ - Đơn vị báo cáo: Cục
LƯỢNG VÀ SẢN PHẨM CHĂN Thống kê

NUÔI

Quý.....Năm

- Đơn vị nhận báo cáo:
Tổng cục Thống kê

Tên chỉ tiêu		Mã số	Đơn vị tính	Chính thức cùng kỳ năm trước	Chính thức kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
<i>A</i>		<i>B</i>	<i>C</i>	<i>I</i>	<i>2</i>	$3 = \frac{2}{1} * 100$
I. Lợn						
Số con hiện có		01452001	Con			
Chia ra:	- Lợn thịt	01452001 1	Con			
	- Lợn nái	01452001 2	Con			
	+ Trong đó: Lợn nái đẻ	01452001 21	Con			
	- Lợn đực giống	01452001 3	Con			
	- Lợn con chưa tách mẹ	01452001 4	Con			
Số con xuất chuồng		01452002	Con			

Sản lượng thịt hơi xuất chuồng		0145200	Tấn			
Số con lợn sữa bán giết thịt (không tính lợn giống bán để nuôi tiếp)		01452003	Con			
Sản lượng lợn sữa bán giết thịt		01452004	Tấn			
II. Gia cầm						
1. Gà						
a. Số con hiện có		01462101	1000 con			
Chia ra:	- Gà thịt	01462101 1	“			
	+ Trong đó: Gà công nghiệp	01462101 11	“			
	- Gà đẻ trứng	01462101 2	“			
	+ Trong đó: Gà công nghiệp	01462101 21	“			
b. Số con xuất chuồng		01462102	“			
	+ Trong đó: Gà công nghiệp	01462102 1	“			
c. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng		0146210	Tấn			
	+ Trong đó: Gà công nghiệp	01462101	Tấn			
d. Sản lượng trứng trong kỳ		0146220	1000 quả			

	+ Trong đó: Gà công nghiệp	01462201	“			
2. Vịt						
a. Số con hiện có		01463101	1000 con			
<i>Trong đó:</i> Vịt đẻ trứng		01463101 1	“			
b. Số con xuất chuồng		01463102	“			
c. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng		0146310	Tấn			
d. Sản lượng trứng		01463401	1000 quả			
3. Ngan						
a. Số con hiện có		01463201	1000 con			
<i>Trong đó:</i> Vịt đẻ trứng		01463201 1	“			
b. Số con xuất chuồng		01463202	“			
c. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng		0146320	Tấn			
d. Sản lượng trứng		01463402	1000 quả			

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

....., ngày.....tháng năm
Cục trưởng
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Nguồn: Thông tư 01/2019/TT-BKHĐT